★★【ベトナム語】『できる日本語　初中級』「できること」一覧

Bài	Tiêu đề	Mục tiêu hành động	ST	Thứ tự tiêu đề	Việc có thể làm
1	Bước tiến mới.	Có thể tự giới thiệu bản thân một cách đầy đủ hoặc biết cách đặt câu hỏi một cách ấn tượng với người lần đầu tiên gặp.	1	Tìm việc làm thêm.	Có thể hỏi về công việc làm thêm, trao đổi một cách đơn giản trong buổi phỏng vấn.
			2	Bạn mới.	Có thể truyền đạt, trao đổi với những người xung quanh về cách thức khi mà bản thân có nghi vấn sẽ suy nghĩ tìm hiểu như thế nào với các tin tức, sự kiện mình bận tâm trong cuộc sống hàng ngày.
2	Mua sắm vui vẻ.	Có thể nói chuyện với bạn bè về sản phẩm, thực đơn…ở cửa hàng, có thể vừa trao đổi với nhân viên cửa hàng vừa mua hàng.	1	Mua sắm khéo léo.	Khi mua cái gì đó, có thể xem đồ vật đó, hỏi nhân viên bán hàng về những thông tin mà mình muốn biết, quyết định hành động của bản thân.
			2	Cùng dùng bữa.	Khi ăn uống ở nhà hàng, có thể trao đổi với bạn đi cùng hoặc người ở cửa hàng.
3	Mục tiêu của tôi.	Có thể nói được về mục tiêu, kế hoạch của bản thân, có thể hỏi chuyện những người xung quanh đẻ tham khảo về con đường sự nghiệp.	1	Kế hoạch từ bây giờ.	Có thể nói được về mục đích khi đến Nhật, mục tiêu kế hoạch trong tương lai.
			2	Hướng tới ước mơ.	Có thể hỏi hay nói chuyện với những người xung quanh về những sở thích đối với những việc trong tương lai của mình.
4	Ở thành phố đang sống.	Có thể trao đổi những thông tin về khu phố của mình để sống thoải mái ở Nhật Bản và có thể hành động dựa trên cơ sở của những thông tin đó.	1	Làm cho cuộc sống vui vẻ.	Có thể hỏi hoặc hướng dẫn về các cơ sở vật chất của nơi mình sống và thông tin về các cửa hàng.
			2	Chỉ cho cách đi.	Có thể hướng dẫn đường đi, hay hỏi khi lạc đường.
5	Một ngày vất vả.	Khi có chuyện đột nhiên xảy ra, có thể giải thích tình huống từ việc đơn giản nhất và xử lý tình huống đó.	1	Gay go nhỉ !	Có thể giải thích tình hình khó khăn, đặc điểm của đồ vật đã mất, tình huống làm mất.
			2	Ở nhà ga.	Khi gặp khó khăn ở nhà ga hay đi trên đường, có thể giải thích một cách đơn giản về tình hình, có thể đề nghị, xin lỗi.

6	Cùng đi du lịch.	Có thể trao đổi và thu thập thông tin trước khi đi du lịch, và thực hiện các công việc chuẩn bị.	1	Kế hoạch du lịch.	Có thể đề xuất muốn đi du lịch ở đâu và lý do là gì.
			2	Chuẩn bị cho chuyến du lịch.	Có thể nói chuyện xem trước khi đi du lịch thì cần phải làm gì trước.
7	Đến nhà của Nishigawa.	Có thể vừa nghĩ đến tình huống xảy ra sau khi đi đến nhà người Nhật Bản và những việc liên quan đến tình huống đó, vừa thoải mái giao lưu với các thành viên trong gia đình đó.	1	Đến thăm hỏi lần đầu tiên.	Có thể xử dụng tiếng Nhật một cách lịch sự để nói chuyện với người lần đầu tiên gặp.
			2	Cùng làm.	Có thể giải thích đơn giản về cách làm món ăn mà mình biết rõ.
8	Cảm ơn.	Có thể thể hiện được lòng biết ơn về những niềm vui có được trong các trải nghiệm từ trước đến giờ.	1	Sự kiện vui vẻ.Việc vui mừng, phấn khởi.	Có thể nói chuyện về những kinh nghiệm hoặc về việc được người khác đối xử tử tế.
			2	Cảm ơn đã giúp đỡ.	Có thể nói chuyện với người khác về việc mình đã được quan tâm, chăm sóc như thế nào. Có thể nói lời cảm ơn đối với những người đã quan tâm chăm sóc mình.
9	Ở nơi làm thêm	Có thể vừa nghĩ về những người xung quanh và vừa trao đổi hội thoại được để có thể thoải mái làm việc trong tập thể.	1	Quy định ở nơi làm thêm.	Có thể nghe từ đàn anh đàn chị, và có thể giải thích đàn em về quy tắc ở nơi làm thêm.
			2	Công việc làm thêm vui vẻ.	Có thể cùng bảo ban nhau để làm công việc một cách trôi chảy.
10	Sau khi đi du lịch.	Có thể truyền đạt cho người khác về tình huống khó khăn xảy ra trong chuyến du lịch, hay giải thích một cách ngắn gọn về phong cảnh, các tòa nhà nhìn thấy trước mắt khi đến các điểm du lịch.	1	Việc tình cờ, biến cố ngoài ý muốn.	Có thể giải thích một cách đơn giản tình hình và vấn đề khi gặp tình huống không thể dự đoán trước, hoặc tình huống bất lợi ở nơi du lịch.
			2	Mang theo sách hướng dẫn du lịch.	Có thể giải thích một cách đơn giản về tình hình hiện tại của mình hoặc những đồ vật trước mắt mình.

11	Ở trong các công ty địa phương.	Có thể nói chuyện với người Nhật ở địa phương về cuộc sống gần đây hay những khó khăn của mình và có thể tham gia các hoạt động của cộng đồng.	1	Khi mà trở nên quen~	Có thể nói về những sự thay đổi thói quen của mình, hay về những khó khăn đang gặp phải.
			2	Vào đội thể thao.	Có thể tryền đạt những gì đã nghe được từ người khác. Ngoài ra có thể cổ vũ thể thao.
12	Phương pháp về sức khỏe của tôi.	Có thể trao đổi thông tin với những người xung quanh về phương pháp duy trì sức khỏe và cách xử lý khi mà tình trạng sức khỏe không tốt.	1	Tình trạng cơ thể không tốt.	Có thể nói về tình trạng bệnh, nguyên nhân, phương pháp xử lý khi mà cảm thấy sức khỏe không tốt.
			2	Khỏe mạnh mỗi ngày ！	Có thể nói chuyện về những điều bình thường vẫn làm hoặc những cái đang sử dụng để duy trì sức khỏe.
13	Tâm trạng của bố mẹ. Tâm trạng của con cái.	Khi nhìn thấy một điều gì mà mình quan tâm trên ti vi hay trên phố, có thể hỏi ý kiến về điều đó, hoặc nói về các kinh nghiệm liên quan đến điều đó của mình.	1	Những đứa trẻ mà tình cờ nhìn thấy ở trên phố.	Có thể vừa trao đổi những kinh nghiệm thời còn bé của mình vừa nói ý kiến của mình một cách đơn giản.
			2	Khi hồi tưởng lại.	Có thể nói chuyện về những điều do được giáo dục từ hồi bé ảnh hưởng đến bản thân mình bây giờ.
14	Sự kiện. Lễ hội.	Có thể giải thích các nghi thức, phong tục tập quán của đất nước mình để những người Nhật xung quanh có thể hiểu biết về đất nước của mình.	1	Sự kiện của đất nước tôi.	Có thể giải thích hoặc hỏi về các sự vật, sự việc liên quan đến các lễ hội.
			2	Phong tục tặng quà.	Có thể quan tâm đến tập quán tặng đồ, sở thích của đối phương và trao đổi về quà tặng.
15	Tin tức mình quan tâm.	Có thể truyền đạt, trao đổi với những người xung quanh về cách thức khi mà bản thân có nghi vấn sẽ suy nghĩ tìm hiểu như thế nào đối với các tin tức, sự kiện mình quan tâm trong cuộc sống hàng ngày.	1	Chuẩn bị cho bài phát biểu.	Có thể nghe câu chuyện của người khác, nói ý nghĩ của mình trong buổi trao đổi.
			2	Việc phát biểu ở trước mọi người.	Có thể phát biểu về thông tin mình đã điều tra về một chủ đề nào đó hoặc suy nghĩ của mình về thông tin đó.